TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23-7-2018
V/v ly hôn giữa bà Th và ông S.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Tuyết Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Minh.
2. Bà Phạm Thị Thiện.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Kim Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân quận N, thành phố C.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều tham gia phiên toà*: Bà Lê Thị Nga- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, thành phố C tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 30/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2018 về *việc"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 518/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

* <u>*Nguyên đơn*</u>: Bà **Nguyễn Thị Thanh Th**, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: 16B đường 3/2, phường X, quận N, thành phố C.

* <u>*Bị đơn*</u>: Ông **Nguyễn Hoàng S**, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: 16B đường 3/2, phường X, quận N, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22-01-2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh Th trình bày:

Về hôn nhân: Bà đăng ký kết hôn với ông Nguyễn Hoàng S tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh V vào ngày 24-7-2001, giấy đăng ký số 15, quyển số 0I. Ông bà sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông S có vợ bé bên ngoài nên thường xuyên gây cãi, ông bà đã sống ly thân từ năm 2003 cho đến nay. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin được ly hôn với ông S.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Tuấn E (nam) sinh ngày 03-4-2003. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu ông S cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th xác định không có.

* Bị đơn ông Nguyễn Hoàng S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông S thường vắng nhà nên không thể tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định. Tòa án đã lập biên bản không tống đạt được và tiến hành làm thủ tục niêm yết thông báo thụ lý, thông báo phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử đối với ông S nhiều lần nhưng vẫn không đến tòa nên không thể ghi nhận ý kiến của ông S được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ quy định, về xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng và chuyển hồ sơ cho viện kiểm sát nghiên cứu tham gia phiên tòa đúng hạn. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thư ký thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, bị đơn không tuân thủ theo quy định pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Mâu thuẫn giữa bà Th và ông S phát sinh do ông S không quan tâm vợ con, ông bà đã sống ly thân từ năm 2003 cho đến nay, ông S vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của ông S nhưng qua thu thập chứng cứ tại địa phương thì mâu thuẫn kéo dài nhiều năm, tình cảm vợ chồng không còn và đã sống ly

thân nhiều năm, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân quận N nhận định:

Về thủ tục: Ông Nguyễn Hoàng S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Tòa án áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt ông S là phù hợp quy định của pháp luật.

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý: Bà Th, ông S tự nguyện đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh V vào ngày 24-7-2001 nên được xem đây là hôn nhân hợp pháp, khi có tranh chấp sẽ do Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 điều chỉnh và do ông S có địa chỉ tạm trú tại địa bàn quận N nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N, thành phố C.

Về hôn nhân: Bà Th và ông S tự nguyện đi đến hôn nhân, sau một thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông S có người phụ nữ khác bên ngoài, ông bà đã sống ly thân từ năm 2003 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ kiện, Tòa án cũng có công văn gửi địa phương để xác minh về hoàn cảnh gia đình, nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn, việc chăm sóc, nuôi dạy cháu Tuấn E. Qua Biên bản xác minh ngày 22-02-2018 của UBND phường X thì nguyên nhân dẫn đến bà Th yêu cầu ly hôn do ông S bỏ vợ con không phụ chăm sóc cháu; cháu Tuấn E đang sống chung với mẹ và ông bà ngoại, được chăm sóc và học hành tốt. Đối với ông S, Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ nhưng ông S không đến điều đó chứng tỏ ông S không tha thiết đoàn tụ, mâu thuẫn giữa bà Th và ông S đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con chung: Bà Th và ông S có 01 con chung. Khi ly hôn, bà Th có yêu cầu được nuôi cháu Tuấn E, tại bản tự khai ngày 03-4-2018 cháu Tuấn E muốn ở với mẹ, đây là nguyện vọng của cháu và hiện tại cháu Tuấn E cũng đang sống với bà Th, để tránh làm xáo trộn đời sống tinh thần của cháu nên chấp nhận yêu cầu của bà Th theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Bà Th không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th xác định không có và do xét xử vắng mặt ông S nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

Xét trình bày của Viện kiểm sát là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Th phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thanh Th và ông Nguyễn Hoàng S.

2. *Về nuôi con chung*: Giao con chung Nguyễn Hoàng Tuấn E (nam) sinh ngày 03-4-2003 cho bà Nguyễn Thị Thanh Th trực tiếp nuôi dưỡng, ông S không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung cho ông S không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của cháu Tuấn E các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4. *Về án phí hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Thanh Th phải chịu tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng theo biên lai thu số 004825 ngày 23-01-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố C, bà Thuỷ không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q. Ninh Kiều;
- Chi cục THADS Q. Ninh Kiều;
-UBND xã Đ, H. M;;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hồ Thị Tuyết Phương